

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XUYÊN VĂN HOÁ TRONG TÂM LÝ HỌC

Vũ Dũng

Viện Tâm lý học.

Trong những thập kỷ gần đây, một phương pháp được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và ứng dụng (đặc biệt các nhà nghiên cứu nước ngoài) trong nghiên cứu văn hoá và con người là *Phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá*. Trong tâm lý học, phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá hiện nay đã trở thành một phương pháp nghiên cứu cơ bản.

Việc sử dụng phương pháp nghiên cứu này trong nghiên cứu văn hoá và nghiên cứu tâm lý con người xuất phát từ những lý do sau:

- *Thứ nhất*, trong quá trình giao tiếp và hợp tác giữa các cá nhân, giữa các nhóm xã hội, giữa các dân tộc và giữa các quốc gia không chỉ là quá trình trao đổi về kinh tế, quá trình tương tác tâm lý, mà còn là quá trình tiếp xúc và trao đổi giữa các giá trị văn hoá và giữa các nền văn hoá khác nhau. Quá trình này có thể diễn ra giữa các vùng miền, giữa các dân tộc trong một quốc gia và giữa các quốc gia với nhau.

- *Thứ hai*, trong quá trình giao tiếp và tương tác giữa các dân tộc diễn ra đồng thời hai quá trình - quá trình một dân tộc tiếp nhận các giá trị của các dân tộc khác (trong tâm lý học gọi là quá trình đồng nhất dân tộc) và quá trình bảo lưu các giá trị của dân tộc mình. Mức độ của mỗi quá trình này phụ thuộc vào chính bản thân dân tộc đó, cũng như điều kiện và môi trường sống. Hai quá trình này chúng ta có thể nhận thấy trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta, cũng như giữa dân tộc ta với các dân tộc khác trên thế giới trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

- *Thứ ba*, việc sử dụng phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá trong nghiên cứu tâm lý học còn xuất phát từ một nguyên nhân khác là mối quan hệ giữa tâm lý và văn hoá. Khi nghiên cứu văn hoá của con người không thể tách rời nghiên cứu tâm lý của họ. Hay nói cách khác, nghiên cứu văn hoá luôn gắn liền với nghiên cứu tâm lý của con người. Chính vì vậy, mà một số nhà nghiên cứu lại tiếp cận văn hoá từ một góc độ khác - văn hoá là một khái niệm tâm lý.

Có hàng loạt các nghiên cứu về tâm lý luôn được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với nghiên cứu văn hoá và một số nhà tâm lý học đã cố gắng đi tìm định nghĩa văn hoá từ góc độ của khoa học tâm lý.

Trong bài viết này chúng tôi muốn đề cập đến một số vấn đề cơ bản của phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá trong nghiên cứu tâm lý học:

1. Lịch sử của phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học xuyên văn hoá

Nguồn gốc phương pháp luận của nghiên cứu xuyên văn hoá xuất hiện trong tâm lý học rõ hơn và sớm hơn trong nhân chủng học văn hoá với việc nghiên cứu hành vi. Sau đó, được sử dụng nhiều hơn trong Tâm lý học văn hoá (Cole, 1996; Greefield, 1997; Miller, 1997).

Những nghiên cứu xuyên văn hoá đầu tiên trong tâm lý học được tiến hành vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. U. Rivere (1864 - 1922) nhà tâm lý học và nhân chủng học người Anh được coi là người sáng lập ra Tâm lý học xuyên văn hoá. Ông là thành viên của đội thám hiểm dân tộc Cambrid làm việc trên các đảo của eo biển Torrec, sau đó là ở New Zealand và ở Nam Ấn Độ Dương.

Một sự kiện quan trọng trong phương pháp luận nghiên cứu Tâm lý học là sự công bố của Campell và Stanley năm 1966 về *Thiết kế nghiên cứu thực nghiệm và thực nghiệm định tính*. Bài báo này đã có ảnh hưởng lớn và trở thành tiêu chuẩn đối với nghiên cứu tâm lý học và Tâm lý học xuyên văn hoá. Các chuẩn nghiên cứu thực nghiệm sẽ hiệu quả hơn nếu nghiên cứu đó được thực nghiệm trong các nền văn hoá khác nhau. Trong những năm gần đây, có nhiều nghiên cứu về tâm lý học được tiến hành ở nhiều quốc gia khác nhau. Chẳng hạn, nghiên cứu của Cơ quan nghiên cứu thanh niên trực thuộc Chính phủ Nhật Bản năm 1972 đã tiến hành nghiên cứu về niềm tin tôn giáo ở 11 nước (Nhật, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Nam Tư, Ấn Độ, Philipin, Brazil). Năm 1999, P. Wesley Schultz, Lyunette Zelezny đã khảo sát 957 sinh viên của 5 nước (Mexico, Nicaragua, Peru, Tây Ban Nha và Mỹ) về giá trị và hành vi của họ đối với môi trường. Robert Levine, Arei Noenayar năm 1998 đã nghiên cứu ảnh hưởng của nhịp điệu sống đến sự hình thành nhân cách của con người tại 31 quốc gia trên thế giới. R. Buda, S.M. Elsayed - Elklaouly nghiên cứu sự khác biệt văn hoá giữa người Ả Rập và người Mỹ. Các nhà nghiên cứu Hing Keung Ma và Chan Kiu Cheung đã nghiên cứu cấu trúc đặc điểm đạo đức của người Hồng Kông gốc Trung Quốc, người Anh và người Mỹ năm 1968. Nghiên cứu này được tiến hành ở 24 nước trên thế giới.

Nghiên cứu của Marry Sissons Joshi và Morag Maclean về kỳ vọng của cha mẹ đối với sự phát triển của đứa con. Nghiên cứu được tiến hành ở 120

bà mẹ, trong đó có 50 bà mẹ của Ấn Độ và Nhật Bản, 70 bà mẹ của Anh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các bà mẹ Nhật Bản mong đợi vào năng lực của trẻ lớn hơn các bà mẹ Anh, các bà mẹ Nhật kỳ vọng vào đứa trẻ vượt trội các bà mẹ Anh ở lĩnh vực giáo dục, tự chăm sóc của trẻ. Các bà mẹ Ấn Độ có kỳ vọng vào trẻ thấp hơn các bà mẹ Nhật và Anh.

Những nghiên cứu xuyên văn hoá như vậy không chỉ khẳng định độ tin cậy của các thang đo, các chuẩn đo của phương pháp, mà còn khẳng định một điều là nghiên cứu xuyên văn hoá là xu hướng ngày càng chiếm ưu thế không chỉ trong khoa học tâm lý, mà còn trong nhiều ngành khoa học xã hội khác.

Trong những năm qua đã có một số công trình nghiên cứu sâu và khá hệ thống về phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá. Đó là các cuốn Sách *Những phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá* của Brislin, Lonner và Thorndike năm 1973 (*Cross - Cultural Research Methods*), *Sách hướng dẫn về Tâm lý học xuyên văn hoá* của Triandis và Berry năm 1973 (*Handbook of Cross - Cultural Psychology*), *Các phương pháp chuyên biệt trong nghiên cứu xuyên văn hoá* của Lonner, Berry năm 1986 (*Field methods in Cross - Cultural Research*)...

2. Một số ứng dụng phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá trong nghiên cứu Tâm lý học dân tộc

Trong Tâm lý học xã hội, trước hết là Tâm lý học dân tộc (một phân ngành của Tâm lý học xã hội) phương pháp nghiên cứu xuyên văn hoá được ứng dụng khá phổ biến.

Một vấn đề được các nhà nghiên cứu quan tâm là nghiên cứu kinh nghiệm các quá trình tri giác của các dân tộc. Ở đây người ta nghiên cứu năng lực của các giác quan như: Sự tinh nhanh của thị giác, tri giác về màu sắc, tri giác không gian... Các nhà nghiên cứu người Anh đã nghiên cứu so sánh về tri giác của người nguyên thủy và người châu Âu và đi đến kết luận: Các giác quan của người nguyên thủy có sự phát triển hơn người châu Âu. Kaul, năm 1997 viết "Mắt của những người dân xứ Xan - Krittobal (thuộc đảo Xolomonova) như những thấu kính, vào ngày mây mù họ có thể nhìn từ xa thấy những con chim bồ câu trốn trong những cành lá. Những người dân của Ireland nhìn thấy cả những con thuyền nhỏ khi thời tiết mây mù ở khoảng cách 6 - 7 dặm, điều mà chúng ta không thể làm được với sự trợ giúp của ống nhòm".

Rivere cho rằng những dân tộc nguyên thủy phát triển về khả năng vận động, nhưng lại kém về phát triển trí tuệ. Đó là giả thuyết bù trừ. Một số nhà nghiên cứu lại tìm hiểu sự dị thường về tri giác giữa các nền văn hoá. Chẳng hạn, những người thổ dân thường nhầm 2 màu với nhau như: xanh nước biển và xanh lá cây. Về vấn đề này thì họ kém hơn tri giác của những người châu Âu. Những nghiên cứu theo hướng này đã gây nên các tranh cãi. Một số nhà nghiên

cứu cho rằng không có cơ sở để khẳng định tri giác của các dân tộc nguyên thủy phát triển cao hơn các dân tộc châu Âu. Dù sao thì giả thuyết về sự bù trừ và những nghiên cứu trên vẫn góp phần quan trọng cho sự phát triển một hướng nghiên cứu mới - nghiên cứu xuyên văn hoá.

Những nghiên cứu xuyên văn hoá là rất đa dạng. Các nhà nghiên cứu đã tiến hành trắc nghiệm khả năng âm nhạc của sinh viên người Mỹ gốc Phi và sinh viên Mỹ da trắng và đi đến kết luận: các sinh viên Mỹ gốc Phi có khả năng chịu độ lớn của âm thanh mạnh hơn và thời gian nghe lâu hơn, còn sinh viên da trắng có khả năng tốt hơn khi phân biệt thanh điệu và âm điệu.

Năm 1966 có một nghiên cứu nổi tiếng trong Tâm lý học xuyên văn hoá là nghiên cứu về ảnh hưởng của văn hoá đến tri giác thị giác. Nghiên cứu này nổi tiếng bởi lẽ do những người nổi tiếng tham gia như: nhà nhân chủng học văn hoá M. Kherścovich, các nhà tâm lý học như M. Xegall và D. Kembell. Kết quả nghiên cứu đã đi đến nhận định vai trò to lớn của môi trường xung quanh, văn hoá, sinh lý... đến ảo giác thị của con người, chứ không phải là yếu tố chủng tộc.

Một số nghiên cứu về tri giác dân tộc trong những năm gần đây. Đó là các nghiên cứu về biểu tượng của các dân tộc về nhau của W. Doise, D. Spini và A. Clemence năm 2000; nghiên cứu về sự thay đổi khuôn mẫu trong nhận thức của các dân tộc về nhau của L. Johnton năm 1996. Một số nghiên cứu về định kiến của dân tộc đa số và thiểu số bản xứ ở Australia đối với những dân tộc nhập cư vào nước này. Một nghiên cứu khác của Severeý và Brigham về định kiến và kỳ thị của người da trắng với người da đen ở Mỹ...

Ở nước ta, từ năm 2002 đến nay, Viện Tâm lý học đã tiến hành 1 Dự án điều tra cơ bản, đã và đang thực hiện 3 đề tài cấp Nhà nước về tâm lý dân tộc ở khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Bắc. Trong các nội dung nghiên cứu của các đề tài này, chúng tôi đã nghiên cứu khá sâu sự tiếp nhận các giá trị mới của các dân tộc thiểu số đối với dân tộc đa số (dân tộc Kinh) ở tại ba khu vực trên. Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình tiếp nhận các giá trị mới của dân tộc Kinh diễn ra mạnh mẽ hơn quá trình bảo lưu các giá trị truyền thống của mình. Điều này thấy rõ nhất ở khu vực Tây Nguyên. Trong số các dân tộc thiểu số được khảo sát thì dân tộc Chăm là bảo lưu các giá trị truyền thống của mình tốt nhất, sau đó đến dân tộc H'mông, Khome...

Việc nghiên cứu mang tính xuyên văn hoá này ở nước ta đã đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để vừa giúp các dân tộc thiểu số hoà nhập, phát triển, mà vẫn giữ gìn được các giá trị truyền thống của mình? Đó là câu hỏi không dễ tìm lời giải đáp thoả đáng.

Trong bối cảnh mở cửa, hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng tăng của chúng ta hiện nay thì việc giao lưu giữa văn hoá của dân tộc ta với các nền văn

hoá khác là tất yếu. Do vậy, những nghiên cứu xuyên văn hoá đã trở nên có ý nghĩa to lớn đối với việc giúp chúng ta hội nhập, phát triển kinh tế và xã hội. Việc hiểu các nền văn hoá khác để chúng ta có những ứng xử phù hợp là rất quan trọng. Trong cùng một vấn đề thì mỗi dân tộc có những cách ứng xử và giải quyết có thể khác nhau. Chẳng hạn, khi tiếp xúc với người Mỹ, chúng ta không nên hỏi tuổi, gia đình, thu nhập... Điều này có thể làm cho họ khó chịu, trong khi đó ở nước ta thì đây là những điều bình thường trong giao tiếp.